

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 43/2022/HS-ST

Ny **20-6-2022**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Tham phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Hùng.

Các Hội tham nhân dân: ông Võ Hoàng Trọng;
bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

- Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Hải- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Võ Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ny 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2022/TLST-HS Ny 27 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HS Ny 09 tháng 6 năm 2022 **đối với bị cáo:**

Trần Thị T M, sinh năm 1968, tại: tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá (học vấn): 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Cao đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H (chết) và bà Lê Thị P (chết); Có chồng là Văn Công Đ và 01 người con sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ Ny 21/12/2021 đến Ny 18/02/2022 được thay TH bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại. “Có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồ Ngọc X, sinh năm 1975, HKTT: ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh, chỗ ở hiện nay: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Chị Lưu Thị T V, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

5. Bà Lê Thị H, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

6. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1956; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

7. Bà Thái Ngọc L, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

8. Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
9. Anh Nguyễn Hùng T, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
10. Chị Nguyễn Thị TH T, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .
11. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp Thanh An, xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.
12. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .
13. Bà Dương Thị Lệ H, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
14. Chị K Mỹ Lệ, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
15. Bà Pn Thị T, sinh năm 1965, nơi cư trú, xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.
16. Chị Trần Thị T, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
17. Chị Bùi Thị R, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
18. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
19. Bà Trần Thị N, sinh năm 1956; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .
20. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .
21. Bà Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .
22. Bà Lê Thị X, sinh năm 1961; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .
23. Chị Pn Thị Kim Đ, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .
24. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960; nơi cư trú: khu phố H, pH H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.
25. Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1949; nơi cư trú: ấp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
26. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
27. Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
28. Bà Võ Thị N, sinh năm 1957; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
29. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
30. Bà Võ Thị T, sinh năm 1955; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây

Ninh.

31. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

32. Bà Thái Thị T, sinh năm 1961; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .

33. Bà Trần Thị T, sinh năm 1966; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .

34. ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .

35. Bà Lê Thị T, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

36. Bà Trần Thị G, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

37. Bà Trịnh Thị K, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .

38. Bà Trần Thị P, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .

39. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .

40. Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .

41. Bà Trương Thị Y, sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

42. Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .

43. Bà Trịnh Thị Kim H, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .

44. Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .

45. Chị Trần Thị T, sinh năm 1983; nơi cư trú: khu phố 3, pH 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

46. Chị Võ Thị Bích L, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp: A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

47. Bà Lê Thị T, sinh năm 1956; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .

48. Bà Nguyễn Thị M X, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .

49. Bà Dương Thị Ngọc D, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

50. Chị Dương Thị H, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

51. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .

52. Bà Lê Thị H, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .

53. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .

54. Bà Lê Thị TH, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

55. Bà Lê Thị H, sinh năm 1966; nơi cư trú: ấp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

56. Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .

57. Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .

58. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

59. Anh Đỗ Quốc Q, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. .

60. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1974; nơi cư trú: khu phố, pH H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

61. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

(ông X, bà V, bà T, bà M, bà H, bà H, bà L, bà N, anh Th, chị TH T, chị H, bà Lê H, chị L, bà T, chị T, chị R, bà Nguyễn Thị N, bà N, bà M, bà Đ, bà X, chị Đ, bà Đ, ông No, ông H, ông N, bà N, bà T, bà T, chị H, bà TH, ông S, bà T, bà G, bà C, bà P, anh T, bà K, bà Y, chị Nhiều, bà H, bà Bích T, chị T L, chị L, bà T, bà M X, bà D, chị H, bà H, bà H, bà Đ, bà TH, bà H, chị Hồng V, chị Thanh TH, anh Q, bà Ph, bà Bvắng mặt; bà T, bà T và chị Nguyễn Thị B có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 30 phút, Ny 21/12/2021, tại ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. , Công an huyện Châu Thành tiến hành bắt quả tang Trần Thị T M đang thu tiền lãi vay 500.000 đồng của bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969, ngụ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Tiến hành khám xét nơi ở của M, tạm giữ nhiều đồ vật, tài liệu liên quan đến việc cho vay lãi nặng.

Quá trình điều tra chứng minh được như sau: vào năm 2020, Trần Thị T M bỏ ra số tiền khoảng 500.000.000 đồng để cho nhiều người trên địa bàn huyện Châu Thành, thành phố Tây Ninh và thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh vay tiền với lãi suất cao nhằm TH lợi bất chính. Khi có người cần vay tiền, M gặp trực tiếp người vay để thỏa thuận về việc cho vay, hình thức cho vay trả góp thu gốc lẫn lãi suất hàng ngày (tiền góp) hoặc cho vay trả nguyên gốc thu lãi suất hàng ngày (tiền đứng). Người vay tiền cung cấp họ tên, địa chỉ, để M ghi vào sổ theo dõi thu tiền. Hàng ngày, M dùng xe mô tô biển số 70D1-701.93 của mình chạy đến nhà người vay hoặc điện thoại đến điểm hẹn để nhận tiền, sau đó về nhà ghi vào sổ theo dõi quản lý.

Theo thỏa thuận, hình thức vay trả góp hàng ngày với các khoản tiền từ

1.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng/01 lần vay/01 người, thời hạn vay là 24 đến 60 Ny/01 lần vay, do người vay lựa chọn, khi cho vay không tính phí. Điển hình như, khoản vay góp có lãi suất thấp nhất là vay 5.000.000 đồng, trả góp 100.000 đồng/Ny, thời hạn trả 60 Ny, tổng số tiền phải trả khi đến hạn là 6.000.000 đồng, tương ứng với lãi suất 10%/tháng, tương ứng với lãi suất 120%/năm (gấp 06 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Khoản vay góp có lãi suất cao nhất là vay 5.000.000 đồng, trả góp 200.000 đồng/Ny, thời hạn trả 30 Ny, tổng số tiền phải trả khi đến hạn là 6.000.000 đồng, tương ứng với lãi suất 20%/tháng, tương ứng 240%/năm (gấp 12 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự).

Hình thức vay tiền đứng, đóng lãi hàng ngày với khoản tiền 2.500.000 đồng/01 lần vay/01 người, không tính phí vay. Điển hình như, khoản vay tiền đứng 2.500.000 đồng, trả tiền lãi 35.000/Ny, tương ứng với lãi suất 42%/tháng, tương ứng với lãi suất 504%/năm (gấp 25,2 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự).

Từ tháng 12/2020 đến tháng 12/2021, trên các địa bàn huyện Châu Thành, thành phố Tây Ninh và thị xã Hòa Thành tỉnh Tây Ninh, M đã cho 61 người/184 lượt vay, với tổng số tiền cho vay 2.456.500.000 đồng, tiền lãi tối đa được phép TH theo quy định của Bộ luật dân sự là 53.140.822 đồng. Trong thời gian trên M đã nhận lãi của 61 người là 421.170.606 đồng, TH lợi bất chính tổng số tiền 368.029.784 đồng, cụ thể những người vay tiền gồm:

- Anh Hồ Ngọc X vay tổng cộng 05 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Các lần 02, 03, 04, 05 vay như lần 01 và đã trả xong.

- Chị Lưu Thị T V vay tổng cộng 03 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 02 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 3 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả 04 Ny với số tiền 600.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Thùy T vay tổng cộng 03 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 02, 03 vay như lần 01 và đã trả xong.

- Chị Nguyễn Thị T vay tổng cộng 05 lần cụ thể: Lần 01 vay 2.000.000 đồng, mỗi Ny góp 60.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, đã trả xong 2.400.000 đồng; Lần 02 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 03 vay 3.000.000, mỗi ngày góp 100.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả xong 3.600.000 đồng; Lần 04 vay như lần 03 và đã trả xong; Lần 05 vay như lần 01 và đã trả xong.

- Chị Lê Thị H vay tổng cộng 02 lần cụ thể: Lần 01 vay 3.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả xong 3.600.000 đồng; Lần 02 vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, đã trả xong 6.000.000 đồng.

- Chị Phạm Thị H vay tổng cộng 06 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 02 vay 1.500.000 đồng, mỗi Ny góp 50.000 đồng, thời hạn trả 36 ngày, đã trả xong 1.800.000 đồng; Lần 03 vay 3.000.000 đồng, mỗi ngày góp 100.000 đồng, thời hạn trả 36 ngày, đã trả xong 3.600.000 đồng; Lần 04, 06 vay như lần 01 và

đã trả xong; Lần 05 vay như lần 03 và đã trả xong.

- Chị Thái Ngọc L vay tổng cộng 01 lần số tiền 14.000.000 đồng, mỗi Ny góp 280.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả được 09 Ny với số tiền là 2.520.000 đồng.

- Chị Lê Thị Hồng N vay tổng cộng 18 lần cụ thể: Lần 01 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 12.000.000 đồng; Lần 02 vay 20.000.000 đồng, mỗi Ny góp 600.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 24.000.000 đồng; Các lần 03, 05, 07, 09, 11 vay như lần 01 và đã trả xong; Các lần 04, 06, 08, 10, 12, 13, 14, 15, 16, 17 vay như lần 02 và đã trả xong; Lần 18 vay 20.000.000 đồng, mỗi Ny góp 600.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả được 11 Ny với số tiền 6.600.000 đồng.

- Anh Nguyễn Hùng T vay tổng cộng 04 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 30 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 02 vay 3.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả xong 3.600.000 đồng; Lần 03 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 04 vay như lần 03 và đã trả xong.

- Chị Nguyễn Thị TH vay tổng cộng 05 lần cụ thể: Lần 01 vay 3.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả xong 3.600.000 đồng; Lần 02 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 03 vay như lần 02 và đã trả xong; Lần 04 vay 1.000.000 đồng, mỗi Ny góp 50.000 đồng, thời hạn trả 24 Ny, đã trả xong 1.200.000 đồng. Lần 05 vay 2.000.000 đồng, mỗi Ny góp 60.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 2.400.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị T vay tổng cộng 11 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 02, 03, 08 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 04 vay 1.000.000 đồng, mỗi Ny góp 30.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 1.200.000 đồng; Lần 05 vay như lần 04 và đã trả xong; Lần 06 vay 3.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả xong 3.600.000 đồng; Lần 07, 09, 10 mỗi lần vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong; Lần 11 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả 12 Ny với số tiền là 3.600.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị H vay tổng cộng 04 lần cụ thể: Lần 01 vay 7.500.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 45 Ny, đã trả xong 9.000.000 đồng; Lần 02, 03 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 04 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả được 09 Ny với số tiền 2.700.000 đồng.

- Chị Dương Thị Lệ H vay tổng cộng 02 lần cụ thể: Lần 01 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 12.000.000 đồng; Lần 02 vay như lần 01 và đã trả xong.

- Chị K vay tổng cộng 05 lần cụ thể: Lần 01 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 12.000.000 đồng; Lần 02 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 03 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 250.000 đồng, thời hạn trả 48 Ny, đã trả xong 12.000.000 đồng; Lần 04 vay như lần 03 và đã trả xong; Lần 05 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 250.000 đồng, thời hạn trả 48 Ny, đã trả 06 Ny với số tiền là 1.500.000 đồng.

- Chị P vay tổng cộng 12 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Các lần 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 11 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả 15 Ny với số tiền 2.250.000 đồng; Lần 12 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả 07 Ny với số tiền 1.050.000 đồng.

- Chị Trần Thị T vay tổng cộng 02 lần cụ thể: Lần 01 vay 7.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 42 Ny, đã trả xong 8.400.000 đồng; Lần 02 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả 06 Ny với số tiền 1.800.000 đồng.

- Chị Bùi Thị R vay tổng cộng 04 lần cụ thể: Lần 01 vay 15.000.000 đồng, mỗi Ny góp 450.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 18.000.000 đồng; Các lần 02, 03 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 04 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 12.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị N vay tổng cộng 03 lần cụ thể: Lần 01 vay 30.000.000 đồng, mỗi Ny góp 750.000 đồng, thời hạn trả 48 Ny, đã trả xong 36.000.000 đồng; Lần 02 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 03 vay 30.000.000 đồng, mỗi Ny góp 750.000 đồng, thời hạn trả 48 Ny, đã trả 15 Ny với số tiền 11.250.000 đồng.

- Chị Trần Thị N vay tổng cộng 04 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 02 vay 3.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả xong 3.600.000 đồng; Lần 03 vay như lần 02 và đã trả xong; Lần 04 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả 19 Ny với số tiền 2.850.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị M vay tổng cộng 09 lần cụ thể: Lần 01 vay 1.000.000 đồng, mỗi Ny góp 30.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 1.200.000 đồng; Các lần 02, 03 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 04 vay 1.500.000 đồng, mỗi Ny góp 50.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả xong 1.800.000 đồng; Các lần 05, 06, 07 vay như lần 04 và đã trả xong; Lần 08 vay 1.500.000 đồng, mỗi Ny góp 50.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả 07 Ny với số tiền 350.000 đồng; Lần 09 vay 3.500.000 đồng, thời hạn 60 Ny, mỗi Ny góp 60.000 đồng, đã trả xong.

- Chị Nguyễn Thị Anh Đ vay tổng cộng 05 lần cụ thể: Lần 01 vay 6.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả xong 7.200.000 đồng; Lần 02 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 12.000.000 đồng; Các lần 03, 04 vay như lần 02 và đã trả xong; Lần 05 vay 15.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả 10 Ny với số tiền 3.000.000 đồng.

- Chị Lê Thị X vay tổng cộng 04 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 02 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 03 vay như lần 02 và đã trả xong; Lần 04 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả 14 Ny với số tiền 2.100.000 đồng.

- Chị Pn Thị Kim Đ vay tổng cộng 08 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Các

lần 02, 03 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 04 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả được 14 Ny với số tiền 2.100.000 đồng; Các lần 05, 06, 07 vay như lần 04. Lần 08 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả 06 Ny với số tiền 900.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Đ, vay tổng cộng 08 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Các lần 02, 03, 04 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 05 vay 6.500.000 đồng, mỗi Ny góp 130.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 7.800.000 đồng; Lần 06 vay 7.000.000 đồng, mỗi Ny góp 140.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 8.400.000 đồng; Lần 07 vay 7.500.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 9.000.000 đồng; Lần 08 vay như lần 07 và đã trả xong.

- Ông Nguyễn Văn Ng, vay tổng cộng 05 lần cụ thể: Lần 01 vay 3.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả xong 3.600.000 đồng; Lần 02 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 03 vay 2.000.000 đồng, mỗi Ny góp 60.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 2.400.000 đồng; Lần 04 vay như lần 02 và đã trả xong. Lần 05 vay 7.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 42 Ny, đã trả xong 8.400.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn C vay tổng cộng 02 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 30 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 02 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 400.000 đồng, thời hạn trả 30 Ny, đã trả 04 Ny với số tiền 1.600.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn Ng vay tổng cộng 02 lần cụ thể: Lần 01 vay 1.000.000 đồng, mỗi Ny góp 50.000 đồng, thời hạn trả 24 Ny, đã trả xong 1.200.000 đồng; Lần 02 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng.

- Bà Võ Thị N vay tổng cộng 08 lần cụ thể : Lần 01 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 12.000.000 đồng; Các lần 02, 03, 04, 05, 06, 07 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 08 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả 22 Ny với số tiền 4.400.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị T vay tổng cộng 09 lần cụ thể: Lần 01 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 12.000.000 đồng; Các lần 02, 03, 04 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 05 vay 15.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 18.000.000 đồng; Các lần 06, 07, 08 vay như lần 05 và đã trả xong; Lần 09 vay 15.000.000 đồng, mỗi lần góp 450.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả 07 Ny với số tiền 3.150.000 đồng.

- Bà Võ Thị T vay tổng cộng 07 lần cụ thể: Lần 01 vay 1.000.000 đồng, mỗi Ny góp 30.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 1.200.000 đồng; Lần 02 vay 2.500.000 đồng, mỗi Ny góp 50.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 3.000.000 đồng; Lần 03 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Các lần 04, 05, 06 vay như lần 03 và đã trả xong; lần 07 vay như lần 03 nhưng chưa góp Ny nào.

- Chị Nguyễn Thị H vay tổng cộng 10 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần

02 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 12.000.000 đồng; Các lần 03, 04, 05, 06 vay như lần 02 và đã trả xong; Lần 07 vay 2.000.000 đồng, mỗi Ny góp 60.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 2.400.000 đồng; Lần 08 vay như lần 07 và đã trả xong; Lần 09 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 10 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả 16 Ny với số tiền 4.800.000 đồng.

- Bà Thái Thị T vay tổng cộng 04 lần cụ thể: Lần 01 vay 50.000.000 đồng, mỗi Ny góp 1.500.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 60.000.000 đồng; Các lần 02, 03 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 04 vay 50.000.000 đồng, mỗi Ny góp 1.500.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả 10 Ny với số tiền 15.000.000 đồng.

- Bà Trần Thị T vay tổng cộng 10 lần cụ thể: Lần 01 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 12.000.000 đồng; Các lần 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 10 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả 16 Ny với số tiền 3.200.000 đồng.

- Anh Nguyễn Ngọc S vay tổng cộng 09 lần cụ thể: Lần 01 vay 10.000.000 đồng, mỗi lần góp 200.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 12.000.000 đồng; Các lần 02, 03, 04, 05 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 06 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 12.000.000 đồng; Lần 07 vay 15.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 18.000.000 đồng; Lần 08 vay như lần 06 và đã trả xong; Lần 09 vay 15.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả 29 Ny với số tiền 8.700.000 đồng.

- Chị Lê Thị T vay tổng cộng 12 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 02 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 03 vay 1.500.000 đồng, mỗi Ny góp 50.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả xong 1.800.000 đồng; Các lần 04, 05, 07, 10, 11, 12 vay như lần 03 và đã trả xong; Lần 06 vay 3.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả xong 3.600.000 đồng; Các lần 08, 09 vay như lần 06 và đã trả xong.

- Chị Trần Thị G vay tổng cộng 08 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Các lần 02, 03 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 04 vay 6.500.000 đồng, mỗi Ny góp 185.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 7.400.000 đồng; Lần 05 vay 7.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 42 Ny, đã trả xong 8.400.000 đồng; Các lần 06, 07, 08 vay như lần 05 và đã trả xong.

- Chị Trịnh Thị K vay tổng cộng 02 lần cụ thể: Lần 01 vay 2.500.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 30 Ny, đã trả 21 Ny với số tiền 2.100.000 đồng; Lần 02 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả 30 Ny với số tiền 9.000.000 đồng.

- Chị Trần Thị P vay tổng cộng 06 lần cụ thể: Lần 01 vay 8.000.000 đồng, mỗi Ny góp 160.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 9.600.000 đồng; Lần 02 vay 3.000.000 đồng, mỗi Ny góp 60.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 3.600.000 đồng; Các lần 03, 04 vay như lần 02 và đã trả xong; Lần 05 vay

4.000.000 đồng, mỗi Ny góp 80.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 4.800.000 đồng; Lần 06 vay 4.000.000 đồng, mỗi Ny góp 80.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả 08 Ny với số tiền 640.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn T vay tổng cộng 03 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 02 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 12.000.000 đồng; Lần 03 vay 13.000.000 đồng, mỗi Ny góp 350.000 đồng, thời hạn trả 44 Ny, đã trả 06 Ny với số tiền 2.100.000 đồng.

- Chị Đỗ Thị N vay tổng cộng 05 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Các lần 02, 03 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 04 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 12.000.000 đồng; Lần 05 vay 1.500.000 đồng, mỗi Ny góp 50.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả 03 Ny với số tiền 150.000 đồng.

- Chị Trương Thị Y vay tổng cộng 01 lần cụ thể: Vay 25.000.000 đồng, mỗi Ny góp 500.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả 16 Ny với số tiền 8.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Thanh N vay tổng cộng 06 lần cụ thể: Lần 01 vay 3.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả xong 3.600.000 đồng; Các lần 02, 03, 04 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 05 vay 4.500.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả xong 5.400.000 đồng; Lần 06 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả 18 Ny với số tiền 2.700.000 đồng.

- Chị Trịnh Thị Kim H vay tổng cộng 02 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 30 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 02 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 30 Ny, đã trả 14 Ny với số tiền 2.800.000 đồng.

- Chị Lê Thị Bích T vay tổng cộng 06 lần cụ thể: Lần 01 vay 1.000.000 đồng, mỗi Ny góp 20.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 1.200.000 đồng; Các lần 02, 03, 04 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 05 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 12.000.000 đồng; Lần 06 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả 07 Ny với số tiền 1.400.000 đồng.

- Chị Trần Thị T vay tổng cộng 03 lần cụ thể: Lần 01 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 12.000.000 đồng; Lần 02 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 03 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả 02 Ny với số tiền 400.000 đồng.

- Chị Võ Thị Bích L vay tổng cộng 05 lần cụ thể: Lần 01 vay 4.000.000 đồng, mỗi Ny góp 80.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 4.800.000 đồng; Lần 02 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Các lần 03, 04 vay như lần 02 và đã trả xong; Lần 05 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả 18 Ny với số tiền 1.800.000 đồng.

- Chị Lê Thị T vay tổng cộng 04 lần cụ thể: Lần 01 vay 7.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 42 Ny, đã trả xong 8.400.000 đồng; Các lần 02, 03 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 04 vay như lần 01 nhưng chưa trả góp

Ny nào.

- Chị Nguyễn Thị M X vay tổng cộng 04 lần cụ thể: Lần 01 vay 3.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả xong 3.600.000 đồng; Lần 02 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 03 vay như lần 02 và đã trả xong; Lần 04 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 12.000.000 đồng.

- Chị Dương Thị Ngọc D vay tổng cộng 13 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng; mỗi lần góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Các lần 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 12 vay 5.000.000 đồng, mỗi lần góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả 11 Ny với số tiền 1.650.000 đồng.

- Chị Dương Thị H vay tổng cộng 02 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 02 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả 58 Ny với số tiền 11.600.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị H vay tổng cộng 03 lần cụ thể: Lần 01 vay 3.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả xong 3.600.000 đồng; Lần 02 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 03 vay như lần 02 và đã trả xong.

- Chị Lê Thị H vay tổng cộng 07 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 02 vay 3.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả xong 3.600.000 đồng; Các lần 03, 07 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 04 vay 2.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 24 Ny, đã trả xong 2.400.000 đồng; Lần 05 vay 1.500.000 đồng, mỗi Ny góp 50.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả xong 1.800.000 đồng. Lần 06 vay như lần 04 và đã trả xong.

- Chị Nguyễn Thị Đ vay tổng cộng 07 lần cụ thể: Lần 01 vay 3.000.000 đồng, mỗi Ny góp 90.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 3.600.000 đồng; Lần 02 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 03 vay 4.000.000 đồng, mỗi Ny góp 120.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 4.800.000 đồng; Lần 04 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Các lần 05, 06 vay như lần 04 và đã trả xong; Lần 07 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả 16 Ny với số tiền 2.400.000 đồng.

- Chị Lê Thị TH vay tổng cộng 04 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 150.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 02 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 03 vay 6.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả xong 7.200.000 đồng; Lần 04 vay 3.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 36 Ny, đã trả 13 Ny với số tiền 1.300.000 đồng.

- Chị Lê Thị H vay tổng cộng 06 lần cụ thể: Lần 01 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 12.000.000 đồng; Các lần 02, 03, 04 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 05 vay 15.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả xong 18.000.000 đồng; Lần 06 vay 15.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 60 Ny, đã trả 14 Ny

với số tiền 4.200.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị B vay tổng cộng 01 lần cụ thể: Vay 5.000.000 đồng, mỗi lần vay 200.000 đồng, thời hạn trả 30 Ny, đã trả 05 Ny với số tiền 1.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Hồng V vay tổng cộng 01 lần cụ thể: Vay 50.000.000 đồng, mỗi Ny góp 1.500.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả 19 Ny với số tiền 28.500.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Thanh T vay tổng cộng 05 lần cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000 đồng, mỗi Ny góp 200.000 đồng, thời hạn trả 30 Ny, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 02 vay 4.000.000 đồng, mỗi Ny góp 100.000 đồng, thời hạn trả 48 Ny, đã trả xong 4.800.000 đồng; Lần 03 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 04 vay 15.000.000 đồng, mỗi Ny góp 450.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả xong 18.000.000 đồng; Lần 05 vay 10.000.000 đồng, mỗi Ny góp 300.000 đồng, thời hạn trả 40 Ny, đã trả 02 Ny với số tiền 600.000 đồng.

- Anh Đỗ Quốc Q vay tổng cộng 01 lần cụ thể: Vay 1.000.000 đồng, mỗi Ny góp 40.000 đồng, thời hạn trả 30 Ny, đã trả xong 1.200.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị P vay 01 lần cụ thể: Vay 2.000.000 đồng, mỗi Ny góp 40.000 đồng, thời hạn trả 24 Ny, đã trả 03 Ny với số tiền 120.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị B vay tiền đứng 01 lần số tiền 2.500.000 đồng, trả lãi hàng Ny 35.000 đồng, số Ny đã trả 60 Ny với số tiền là 2.100.000 đồng.

Quá trình điều tra, Trần Thị T M đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 33/CT-VKSCT Ny 26/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Trần Thị T M về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo M về tội danh trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử **căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự**, xử phạt bị cáo Trần Thị T M từ 06 đến 12 tháng tù.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phạt bổ sung bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng; áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố và không có ý kiến tranh luận bào chữa cho mình.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo phạm tội lần đầu, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng lời khai và yêu cầu của họ đã có đầy đủ trong hồ sơ vụ án, việc xét xử vắng mặt họ không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên bị cáo và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ. Căn cứ Điều 292 Bộ

luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[3] **Về tội danh:** trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo M đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, lời khai người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã chứng minh được như sau: Trần Thị T M là người có năng lực trách nhiệm hình sự, từ khoảng tháng 12/2020 đến tháng 12/2021, trên địa bàn huyện Châu Thành, thành phố Tây Ninh và thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh, bị cáo M đã cho 61 người/184 lượt vay tiền với lãi suất gấp 05 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự. Đối với khoản vay trả góp thì lãi suất từ 120% đến 240%/năm (gấp từ 06 lần đến 12 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Đối với khoản vay tiền đứng thì lãi suất 504%/năm (gấp 25,2 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Tổng số tiền cho vay **2.456.500.000** đồng, số tiền TH lợi bất chính là **368.029.784** đồng.

Hành vi của bị cáo M là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trong một thời gian dài, đối với nhiều người, số tiền thu lợi bất chính lớn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo một hình phạt tương xứng với vai trò, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của **bị cáo** nhằm thể hiện tính răn đe, giáo dục đối bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Nhưng khi áp dụng hình phạt có xem xét đến tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu THộc và trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo:

Xét thấy bị cáo M phạm tội lần đầu và THộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và mức hình phạt đối với bị cáo là không quá 03 năm; có nhân thân tốt và có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù, việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo có khả năng thi hành án nên áp dụng Khoản 2 Điều 35 và Khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo 50.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Do áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo M nên Lệnh kê biên số: 01/LKB-CSĐT Ny 18-4-2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh được duy trì cho đến khi thi hành xong hình phạt bổ sung.

[8] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

[8.1] Đối với khoản tiền cho vay bị cáo thu hồi được từ những người vay và khoản tiền gốc người vay chưa hoàn trả cho bị cáo, là pH tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước (buộc những người vay nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước), cụ thể:

- Buộc bị cáo M nộp lại số tiền cho vay đã thu hồi là 275.045.000 đồng để tịch TH sung vào ngân sách Nhà nước;

- Buộc những người vay chưa hoàn trả số tiền vay gốc cho bị cáo M nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước như sau: Lưu Thị T V nộp lại 4.300.000 đồng; Thái Ngọc Lnộp lại 11.500.000 đồng; Lê Thị Hồng N nộp lại 12.300.000 đồng; Nguyễn Thị T nộp lại 5.800.000 đồng; Dương Thị H nộp lại 6.850.000 đồng; K nộp lại 8.250.000 đồng; Pnộp lại 6.150.000 đồng; Trần Thị Tnộp lại 7.900.000 đồng; Nguyễn Thị N nộp lại 16.875.000 đồng; Trần Thị N nộp lại 1.675.000 đồng; Trần Thị M nộp lại 1.091.000 đồng; Nguyễn Thị Anh Đ nộp lại 11.500.000 đồng; Lê Thị X nộp lại 2.550.000 đồng; Pn Thị Kim Đ nộp lại 14.150.000 đồng; Nguyễn Văn C nộp lại 8.133.000 đồng; Võ Thị N nộp lại 486.000 đồng; Nguyễn Thị T nộp lại 11.325.000 đồng; Võ Thị T nộp lại 5.000.000 đồng; Nguyễn Thị H nộp lại 4.400.000 đồng; Thái Thị T nộp lại 32.500.000 đồng; **Trần Thị T** nộp lại 6.266.000 đồng; Nguyễn Ngọc S nộp lại 4.850.000 đồng; Trịnh Thị K nộp lại 450.000 đồng; Trần Thị P nộp lại 3.253.000 đồng; Đỗ Thị N nộp lại 1.325.000 đồng; Trương Thị Y nộp lại 15.666.000 đồng; Nguyễn Thị Thanh N nộp lại 1.850.000 đồng; Trịnh Thị Kim H nộp lại 1.733.000 đồng; Lê Thị Bích T nộp lại 8.366.000 đồng; Trần Thị T nộp lại 9.533.000 đồng; Võ Thị Bích L nộp lại 2.900.000 đồng; Lê Thị T nộp lại 7.000.000 đồng; Dương Thị Ngọc D nộp lại 3.075.000 đồng; Nguyễn Văn T nộp lại 10.572.000 đồng; Nguyễn Thị Đ nộp lại 2.200.000 đồng; Lê Thị H nộp lại 10.100.000 đồng; Lê Thị TH nộp lại 1.483.000 đồng; Nguyễn Thị P nộp lại 1.650.000 đồng; Nguyễn Thị Thanh T nộp lại 9.300.000 đồng; Nguyễn Thị Hồng V nộp lại 16.750.000 đồng; Nguyễn Thị B nộp lại 3.833.000 đồng; Nguyễn Thị B nộp lại 2.500.000 đồng.

[8.2] Đối với khoản tiền lãi **tương ứng với lãi suất 20%/năm** là **53.140.000 đồng**. Đây là tiền liên quan đến việc phạm tội mà có nên buộc bị cáo M nộp lại để tịch TH sung vào ngân sách Nhà nước.

[8.3] Đối với khoản tiền **lãi vượt quá lãi suất 20%/năm**, đây là tiền bị cáo TH lợi bất chính từ người vay nên buộc bị cáo trả lại cho người vay. Cụ thể, buộc bị cáo trả như sau: trả cho Hồ Ngọc X 4.178.000 đồng, Lưu Thị T V 1.869.000 đồng, Nguyễn Thị Thùy T 2.671.000 đồng, Nguyễn Thị Thơ M 2.150.000 đồng, Lê Thị H 1.431.000 đồng, Phạm Thị H 4.023.000 đồng, Thái Ngọc L 351.000 đồng, Lê Thị Hồng N 34.812.000 đồng, Nguyễn Hùng T 3.239.000 đồng, Nguyễn Thị TH 2.864.000 đồng, Nguyễn Thị T 10.353.000 đồng, **Nguyễn Thị H 4.345.000 đồng**, Dương Thị Lệ H 3.561.000 đồng, K 7.252.000, P9.393.000 đồng, Trần Thị T1.506.000 đồng, Bùi Thị R 9.684.000 đồng, Nguyễn Thị N 12.050.000 đồng, Trần Thị N 2.395.000 đồng, Nguyễn Thị M 1.475.000 đồng, Nguyễn Thị Anh Đ 6.841.000 đồng, Lê Thị X 2.928.000 đồng, Pn Thị Kim Đ 4.051.000 đồng, Nguyễn Thị Đ 6.541.000 đồng, Nguyễn Văn Ng 3.916.000 đồng, Nguyễn Văn C 1.162.000 đồng, Nguyễn Văn Ng 1.022.000 đồng, Võ Thị N 12.311.000 đồng, Nguyễn Thị T 17.179.000 đồng, Võ Thị T 3.938.000 đồng, Nguyễn Thị H 12.109.000 đồng, Thái Thị T 28.938.000 đồng, Trần Thị T 15.486.000 đồng, Nguyễn Ngọc S 15.636.000 đồng, Lê Thị T 5.296.000 đồng, Trần Thị G 8.384.000 đồng, Trịnh Thị K 1.656.000 đồng, Trần Thị P 3.598.000 đồng, **Nguyễn Văn T 2.955.000 đồng**, Đỗ Thị N 4.200.000 đồng, Trương Thị Y 1.114.000 đồng, Nguyễn Thị Thanh N 3.375.000 đồng, Trịnh Thị Kim H 1.346.000 đồng, Lê Thị Bích T 2.534.000 đồng, Trần Thị T 3.398.000 đồng, Võ Thị Bích L 3.426.000 đồng, Lê Thị T 3.716.000 đồng, Nguyễn Thị M X 4.102.000 đồng, Dương Thị Ngọc D 10.929.000 đồng, Dương Thị H 1.172.000 đồng, Nguyễn Thị H 2.212.000 đồng, Lê Thị H 4.229.000 đồng, Nguyễn Thị Đ 4.808.000 đồng, Lê Thị TH 3.057.000 đồng, Lê Thị H 9.776.000 đồng, Nguyễn Thị B 152.900 đồng, **Nguyễn Thị Hồng V 4.229.000 đồng**, Nguyễn Thị Thanh T 5.290.000 đồng, Đỗ Quốc Q 183.000 đồng, Nguyễn Thị P 46.000 đồng, **Nguyễn Thị B 2.017.000 đồng**.

[9] **Về xử lý vật chứng:**

- Tiền Việt Nam: **119.128.000** (Một trăm mười chín triệu, một trăm hai mươi tám nghìn) đồng. Được niêm phong, có dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Châu Thành và chữ ký xác nhận của cán bộ điều tra Tạ Văn Quyết. Đây là tiền của bị cáo M vừa hốt hui, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo M.

- **01 (Một) xe mô tô** nhãn hiệu Yamaha, số loại Nozza Grande, màu đỏ xám, dung tích xi Lh 124.9cm³, biển số đăng ký: 70D1 – 701.93, số khung: RLCSEE520MY051853, số máy E31KE066429; **01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô**, xe gắn máy số 7004126, tên chủ xe Trần Thị T M và **01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO** màu xanh số Imeil 1: 86020204132015, số Imeil 2: 860202041352007 đã qua sử dụng. **Xe và điện thoại này là pH tiện bị cáo M dùng để liên lạc cho vay lãi nặng và đi thu tiền cho vay nên tịch TH sung ngân sách Nhà nước.**

- **01 (Một) hợp đựng các kim loại màu vàng**, được niêm phong có chữ ký của cán bộ điều tra Tạ Văn Quyết, chữ ký của bị cáo Trần Thị T M, chữ ký của ông

Nguyễn Văn H và con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, **bên trong gồm:** 01 (Một) dây cH bằng kim loại màu vàng loại mắt xích, có mặt hình bông H bằng kim loại màu vàng, kim loại làm sợi dây là kim loại vàng (Au) có trọng lượng 94,72 gram, loại 14k; 01 (Một) nhẫn kim loại màu vàng có mặt hình bầu dục, trên mặt có đính đá màu vàng, kim loại làm nhẫn là kim loại vàng (Au) có trọng lượng 13,60 gram, loại 14k (cả đá); 01 (Một) nhẫn kim loại màu vàng có mặt hình bầu dục trên mặt có đính nhiều viên đá màu tím, kim loại làm nhẫn là kim loại vàng (Au) có trọng lượng 13,66 gram, loại 14k (cả đá); 01 (Một) sợi dây cH kim loại màu vàng, kim loại màu T, kim loại màu nâu dạng xoắn, có 01 (Một) mặt dây hình bông M bằng kim loại màu vàng, kim loại làm sợi dây là kim loại vàng (Au) có trọng lượng là 120,21 gram, loại 14k; 01 (Một) vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng trên bề mặt có hình bông H, bên trên có gắn các viên đá nhỏ màu T và màu đỏ, kim loại làm vòng đeo tay là kim loại vàng (Au) có trọng lượng 54,160 gram, loại 14k; 01 (Một) Céc nhẫn bằng kim loại màu vàng có gắn mặt hình bông H, bên trên có gắn một viên đá màu đen và nhiều hạt đá nhỏ màu T, kim loại làm Céc nhẫn là kim loại vàng (Au) có trọng lượng 27,08 gram, loại 14k (cả đá); 01 (Một) Céc nhẫn bằng kim loại màu vàng có gắn mặt hình bông H, bên trên có gắn 01 (Một) viên đá nhỏ màu đỏ và nhiều viên đá màu T, kim loại làm Céc nhẫn là kim loại vàng (Au) có trọng lượng 24,87 gram, loại 14k (cả đá); 01 (Một) lắc đeo tay kim loại màu vàng dạng mắt xích, kim loại làm lắc đeo tay là kim loại vàng (Au) có trọng lượng 137,07 gram, loại 16k; 01 (Một) Céc nhẫn bằng kim loại màu vàng có mặt hình vuông bên trên có hình con rồng, kim loại làm Céc nhẫn là kim loại vàng (Au) có trọng lượng 37,49 gram, loại 23k (tất cả các kim loại vàng trên chưa qua giám định). Tất cả số kim loại vàng này là tài sản cá nhân của bị cáo M, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo M.

- 01 (Một) Căn cước công dân số 072168001975 mang tên Trần Thị T M và 01 (Một) Giấy phép lái xe số Y656707 mang tên Trần Thị T M, là giấy tờ cá nhân của bị cáo M nên trả lại cho bị cáo M;

- 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 907709, người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Lê Văn N và Nguyễn Thị M, là giấy tờ chứng nhận về quyền sở hữu tài sản của bà M nên trả lại cho bà M.

- 01 (Một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 70002064 tên chủ xe Trịnh Quốc H, là giấy đăng ký sở hữu tài sản của anh H nên trả lại cho anh H;

- 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân số 290708312 mang tên Nguyễn Thị Thanh T và 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 017687, tên chủ xe Nguyễn Thị Thanh T, là giấy tờ cá nhân và giấy đăng ký sở hữu tài sản của bà TH nên trả lại cho bà TH;

- 01 (Một) Giấy phép lái xe số 720542006208 mang tên Nguyễn Thị Hồng V, là giấy tờ cá nhân của bà V nên trả lại cho bà V;

- 01 (Một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 037450, tên chủ xe Nguyễn Thị B, là giấy tờ về sở hữu tài sản của chị T nên trả lại cho chị T;

- 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân số 290867834, mang tên Đỗ Quốc Q, là giấy tờ tùy thân của anh Q nên trả lại cho anh Q;

- 01 (Một) sổ hộ khẩu số 540148415, tên chủ hộ Nguyễn Văn T, là giấy tờ cá nhân của anh T nên trả lại cho anh T;

[10] Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 368.029.784 đồng thu lợi bất chính phải trả cho những người vay; những người vay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ný 30-12-2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

[11] Đối với những người vay tiền có tên thể hiện trong sổ gồm: H gần xã; Chị L bán bún riêu gần chợ; Tỏa nhà xóm củ; M bán bánh mì đối diện quán cà phê Diễm Hẹn; Bích V ở chợ trụ nhọn; B em Bích V; Út bán cá ở chợ Thanh Điền; Chị V bán quần áo ở Công ty Hoàng gia; G Cm Ẽn nhà ở Xóm củ; Chị Oanh bán hàng bông chợ Thanh Điền; H bán trái cây chợ Thanh Điền; N chị bán com đối diện N bán đồ si đa; Chị Dung bán com ở Hoàng Gia (Quanh bán rau biế); Bé T con Đ; S nhà Thanh Hòa (em Đồng); L uốn tóc ngã tư Thanh Điền; H ở Thanh Hòa; Bé Q gần chợ Thanh Điền; P Bình; H xóm củ; Chú 3 B TP Tây Ninh (đường Nguyễn Văn Rốp); Chú Lê; Nở - bán trái cây miếu bà Chúa sứ; Chú 6 TH; D làm công nhân Hoàng Gia; H bán cá chợ Thanh Điền; T ở Hoàng Gia; 8 L bán chợ Thanh Điền; Chị T bán hàng bông chợ Thanh Điền; V bán hột vịt chợ cửa số 7 Hòa Thành; Bé K vé số nhà Long Vĩnh; Chị Út gần miếu bà Chuối sứ; C con bà út Vũ; Bà Út phụ com; Bà M bán bánh canh; L Thanh Hòa; T cá gần Thánh thất; Di út bắp bán ở chợ bắp; T An Bình; Hiên xóm củ; TH cà phê gần mẫu giáo Thanh Điền; Min bán kHi Lg cửa số 7; Bé chín bánh canh cửa số 7; C chè cửa số 7, H bán tỏi ớt; T phụ bánh canh bà ly; Cô T gần ngã 3 mít một; Cô Tuyên gần ngã ba mít một; Chị D gần ngã 3 mít một; H bán giày dép cửa số 7; T cháu chồng cửa số 7; H thịt heo cửa số 7. Những người này vay tiền của Trần Thị T M nhưng do không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể, chưa làm việc được nên tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ný 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị T M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị T M 01 (Một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ Ný tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo M về Ủy ban nhân dân xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết

định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: căn cứ Khoản 2 Điều 35 và Khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo M 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên số: 01/LKB-CSĐT Ny 18-4-2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cho đến khi thi hành xong hình phạt bổ sung.

4. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo M nộp lại số tiền dùng để cho vay đã TH hồi là **275.045.000** (Hai trăm bảy mươi lăm triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng để tịch TH sung vào ngân sách Nhà nước;

- Buộc những người vay nộp lại để tịch TH sung vào ngân sách Nhà nước như sau: Lưu Thị T V nộp lại 4.300.000 (Bốn triệu ba trăm nghìn) đồng; Thái Ngọc L nộp lại 11.500.000 (Mười một triệu năm trăm nghìn) đồng; Lê Thị Hồng N nộp lại 12.300.000 (Mười hai triệu ba trăm nghìn) đồng; Nguyễn Thị T nộp lại 5.800.000 (Năm triệu tám trăm nghìn) đồng; **Nguyễn Thị H** nộp lại 6.850.000 (Sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng; K nộp lại 8.250.000 (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng; Pn nộp lại 6.150.000 (Sáu triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng; Trần Thị Tn nộp lại 7.900.000 (Bảy triệu chín trăm nghìn) đồng; Nguyễn Thị N nộp lại 16.875.000 (Mười sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng; Trần Thị N nộp lại 1.675.000 (Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng; Trần Thị M nộp lại 1.091.000 (Một triệu không trăm chín mươi một nghìn) đồng; Nguyễn Thị Anh Đ nộp lại 11.500.000 (Mười một triệu năm trăm nghìn) đồng; Lê Thị X nộp lại 2.550.000 (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng; Pn Thị Kim Đ nộp lại 14.150.000 (Mười bốn triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng; Nguyễn Văn C nộp lại 8.133.000 (Tám triệu một trăm ba mươi ba nghìn) đồng; Võ Thị N nộp lại 486.000 (Bốn trăm tám mươi sáu nghìn) đồng; Nguyễn Thị T nộp lại 11.325.000 (Mười một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng; Võ Thị T nộp lại 5.000.000 (Năm triệu) đồng; Nguyễn Thị H nộp lại 4.400.000 (Bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng; Thái Thị T nộp lại 32.500.000 (Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng; Trần Thị T nộp lại 6.266.000 (Sáu triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng; Nguyễn Ngọc S nộp lại 4.850.000 (Bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng; Trịnh Thị K nộp lại 450.000 (Bốn trăm năm mươi nghìn) đồng; Trần Thị P nộp lại 3.253.000 (Ba triệu hai trăm năm mươi ba nghìn) đồng; Đỗ Thị N nộp lại 1.325.000 (Một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng; Trương Thị Y nộp lại 15.666.000 (Mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng; Nguyễn Thị Thanh N nộp lại 1.850.000 (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng; Trịnh Thị Kim H nộp lại 1.733.000 (Một triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn) đồng; Lê Thị Bích T nộp lại 8.366.000 (Tám triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng; Trần Thị T nộp lại 9.533.000 (Chín triệu năm trăm ba mươi ba nghìn) đồng; Võ Thị Bích L nộp lại 2.900.000 (Hai triệu chín trăm nghìn) đồng; Lê Thị T nộp lại 7.000.000 (Bảy triệu) đồng; Dương Thị Ngọc D nộp lại 3.075.000 (Ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng; Nguyễn Văn T nộp lại 10.572.000 (Mười triệu năm trăm

bảy mươi hai nghìn) đồng; Nguyễn Thị Đ nộp lại 2.200.000 (Hai triệu hai trăm nghìn) đồng; Lê Thị H nộp lại 10.100.000 (Mười triệu một trăm nghìn) đồng; Lê Thị TH nộp lại 1.483.000 (Một triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn) đồng; Nguyễn Thị P nộp lại 1.650.000 (Một triệu sáu trăm nghìn) đồng; Nguyễn Thị Thanh T nộp lại 9.300.000 (Chín triệu ba trăm nghìn) đồng; Nguyễn Thị Hồng V nộp lại 16.750.000 (Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng; Nguyễn Thị B nộp lại 3.833.000 (ba triệu tám trăm ba mươi ba nghìn) đồng; Nguyễn Thị B nộp lại 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Buộc bị cáo M nộp lại để tích thu sung vào ngân sách Nhà nước khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là **53.140.000** (Năm mươi ba triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng.

- Buộc bị cáo M trả lại cho người vay như sau: trả cho Hồ Ngọc X 4.178.000 (Bốn triệu một trăm bảy mươi tám nghìn) đồng, Lưu Thị T V 1.869.000 (Một triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn) đồng, Nguyễn Thị Thùy T 2.671.000 (Hai triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn) đồng, Nguyễn Thị T 2.150.000 (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng, Lê Thị H 1.431.000 (Một triệu bốn trăm ba mươi một nghìn) đồng, Phạm Thị H 4.023.000 (Bốn triệu không trăm hai mươi ba nghìn) đồng, Thái Ngọc L 351.000 (Ba trăm năm mươi một nghìn) đồng, Lê Thị Hồng N 34.812.000 (Ba mươi bốn triệu tám trăm mười hai nghìn) đồng, Nguyễn Hùng T 3.239.000 (Ba triệu hai trăm ba mươi chín nghìn) đồng, Nguyễn Thị TH 2.864.000 (Hai triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng, Nguyễn Thị T 10.353.000 (Mười triệu ba trăm năm mươi ba nghìn) đồng, Nguyễn Thị H 4.345.000 (Bốn triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng, Dương Thị Lệ H 3.561.000 (Ba triệu năm trăm sáu mươi một nghìn) đồng, K 7.252.000 (Bảy triệu hai trăm năm mươi hai nghìn) đồng, P9.393.000 (Chín triệu ba trăm chín mươi ba nghìn) đồng, Trần Thị T1.506.000 (Một triệu năm trăm lẻ sáu nghìn) đồng, Bùi Thị R9.684.000 (Chín triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn) đồng, Nguyễn Thị N 12.050.000 (Mười hai triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng, Trần Thị N 2.395.000 (Hai triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn) đồng, Nguyễn Thị M 1.475.000 (Một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, Nguyễn Thị Anh Đ 6.841.000 (Sáu triệu tám trăm bốn mươi một nghìn) đồng, Lê Thị X 2.928.000 (Hai triệu chín trăm hai mươi tám nghìn) đồng, Pn Thị Kim Đ 4.051.000 (Bốn triệu không trăm năm mươi một nghìn) đồng, Nguyễn Thị Đ 6.541.000 (Sáu triệu năm trăm bốn mươi một nghìn) đồng, Nguyễn Văn Ng 3.916.000 (Ba triệu chín trăm mười sáu nghìn) đồng, Nguyễn Văn C 1.162.000 (Một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn) đồng, Nguyễn Văn Ng 1.022.000 (Một triệu không trăm hai mươi hai nghìn) đồng, Võ Thị N 12.311.000 (Mười hai triệu ba trăm mười một nghìn) đồng, Nguyễn Thị T 17.179.000 (Mười bảy triệu một trăm bảy mươi chín nghìn) đồng, Võ Thị T 3.938.000 (Ba triệu chín trăm ba mươi tám nghìn) đồng, Nguyễn Thị H 12.109.000 (Mười hai triệu một trăm lẻ chín nghìn) đồng, Thái Thị T 28.938.000 (Hai mươi tám triệu chín trăm ba mươi tám nghìn) đồng, Trần Thị T 15.486.000 (Mười lăm triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn) đồng, Nguyễn Ngọc S 15.636.000 (Mười lăm triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn) đồng, Lê Thị T 5.296.000 (Năm triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn) đồng, Trần Thị G 8.384.000 (Tám triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn) đồng, Trịnh Thị K 1.656.000 (Một triệu sáu trăm năm

mười sáu nghìn) đồng, Trần Thị P 3.598.000 (Ba triệu năm trăm chín mươi tám nghìn) đồng, Nguyễn Văn T 2.955.000 (Hai triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn) đồng, Đỗ Thị N 4.200.000 (Bốn triệu hai trăm nghìn) đồng, Trương Thị Y 1.114.000 (Một triệu một trăm mười bốn nghìn) đồng, Nguyễn Thị Thanh N 3.375.000 (Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, Trịnh Thị Kim H 1.346.000 (Một triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng, Lê Thị Bích T 2.534.000 (Hai triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn) đồng, Trần Thị T 3.398.000 (Ba triệu ba trăm chín mươi tám nghìn) đồng, Võ Thị Bích L 3.426.000 (Ba triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn) đồng, Lê Thị T 3.716.000 (Ba triệu bảy trăm mười sáu nghìn) đồng, Nguyễn Thị M X 4.102.000 (Bốn triệu một trăm lẻ hai nghìn) đồng, Dương Thị Ngọc D 10.929.000 (Mười triệu chín trăm hai mươi chín nghìn) đồng, Dương Thị H 1.172.000 (Một triệu một trăm bảy mươi hai nghìn) đồng, Nguyễn Thị H 2.212.000 (Hai triệu hai trăm mười hai nghìn) đồng, Lê Thị H 4.229.000 (Bốn triệu hai trăm hai mươi chín nghìn) đồng, Nguyễn Thị Đ 4.808.000 (Bốn triệu tám trăm lẻ tám nghìn) đồng, Lê Thị TH 3.057.000 (Ba triệu không trăm năm mươi bảy nghìn) đồng, Lê Thị H 9.776.000 (Chín triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng, Nguyễn Thị B 152.900 (Một trăm năm mươi hai nghìn chín trăm) đồng, Nguyễn Thị Hồng V 4.229.000 (Bốn triệu hai trăm hai mươi chín nghìn) đồng, Nguyễn Thị Thanh T 5.290.000 (Năm triệu hai trăm chín mươi nghìn) đồng, Đỗ Quốc Q 183.000 (Một trăm tám mươi ba nghìn) đồng, Nguyễn Thị P 46.000 (Bốn mươi sáu nghìn) đồng, Nguyễn Thị B 2.017.000 (Hai triệu không trăm mười bảy nghìn) đồng.

5 Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Nozza Grande, màu đỏ xám, dung tích xi Lh 124.9cm³, biển số đăng ký: 70D1 – 701.93, số khung: RLCSEE520MY051853, số máy E31KE066429; 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 7004126, tên chủ xe Trần Thị T M và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh số Imeil 1: 86020204132015, số Imeil 2: 860202041352007 đã qua sử dụng. Xe và điện thoại này là pH tiện bị cáo M dùng để liên lạc cho vay lãi nặng và đi TH tiền cho vay nên

- Trả lại cho bị cáo M: tiền Việt Nam 119.128.000 (Một trăm mười chín triệu, một trăm hai mươi tám nghìn) đồng. Được niêm phong, có dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Châu Thành và chữ ký xác nhận của cán bộ điều tra Tạ Văn Quyết; **01 (Một) hợp đựng các kim loại màu vàng**, được niêm phong có chữ ký của cán bộ điều tra Tạ Văn Quyết, chữ ký của bị cáo Trần Thị T M, chữ ký của ông Nguyễn Văn H và con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, bên trong gồm: 01 (Một) dây cH bằng kim loại màu vàng loại mắt xích, có mặt hình bông H bằng kim loại màu vàng, kim loại làm sợi dây là kim loại vàng (Au) có trọng lượng 94,72 gram, loại 14k; 01 (Một) nhẫn kim loại màu vàng có mặt hình bầu dục, trên mặt có đính đá màu vàng, kim loại làm nhẫn là kim loại vàng (Au) có trọng lượng 13,60 gram, loại 14k (cả đá); 01 (Một) nhẫn kim loại màu vàng có mặt hình bầu dục trên mặt có đính nhiều viên đá màu tím, kim loại làm nhẫn là kim loại vàng (Au) có trọng lượng 13,66 gram, loại 14k (cả đá); 01 (Một) sợi dây cH kim loại màu vàng, kim loại màu T,

kim loại màu nâu dạng xoắn, có 01 (Một) mặt dây hình bông M bằng kim loại màu vàng, kim loại làm sợi dây là kim loại vàng (Au) có trọng lượng là 120,21 gram, loại 14k; 01 (Một) vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng trên bề mặt có hình bông H, bên trên có gắn các viên đá nhỏ màu T và màu đỏ, kim loại làm vòng đeo tay là kim loại vàng (Au) có trọng lượng 54,160 gram, loại 14k; 01 (Một) Céc nhẫn bằng kim loại màu vàng có gắn mặt hình bông H, bên trên có gắn một viên đá màu đen và nhiều hạt đá nhỏ màu T, kim loại làm Céc nhẫn là kim loại vàng (Au) có trọng lượng 27,08 gram, loại 14k (cả đá); 01 (Một) Céc nhẫn bằng kim loại màu vàng có gắn mặt hình bông H, bên trên có gắn 01 (Một) viên đá nhỏ màu đỏ và nhiều viên đá màu T, kim loại làm Céc nhẫn là kim loại vàng (Au) có trọng lượng 24,87 gram, loại 14k (cả đá); 01 (Một) lắc đeo tay kim loại màu vàng dạng mắt xích, kim loại làm lắc đeo tay là kim loại vàng (Au) có trọng lượng 137,07 gram, loại 16k; 01 (Một) Céc nhẫn bằng kim loại màu vàng có mặt hình vuông bên trên có hình con rồng, kim loại làm Céc nhẫn là kim loại vàng (Au) có trọng lượng 37,49 gram, loại 23k (tất cả các kim loại vàng trên chưa qua giám định); 01 (Một) Căn cước công dân số 072168001975 mang tên Trần Thị T M và 01 (Một) Giấy phép lái xe số Y656707 mang tên Trần Thị T M;

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị M 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 907709, người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Lê Văn Nhẫn và Nguyễn Thị M.

- Trả lại cho anh H 01 (Một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 70002064 tên chủ xe Trịnh Quốc H;

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân số 290708312 mang tên Nguyễn Thị Thanh T và 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 017687, tên chủ xe Nguyễn Thị Thanh T;

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng V 01 (Một) Giấy phép lái xe số 720542006208 mang tên Nguyễn Thị Hồng V;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị B 01 (Một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 037450, tên chủ xe Nguyễn Thị B;

- Trả lại cho anh Đỗ Quốc Q 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân số 290867834, mang tên Đỗ Quốc Q;

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn T 01 (Một) sổ hộ khẩu số 540148415, tên chủ hộ Nguyễn Văn T.

(Vật chứng của vụ án hiện đang tạm giữ tại C cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo Biên bản giao nhận vật chứng Ny 20/6/2022).

6. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo M phải chịu 18.401.000 (Mười tám triệu bốn trăm lẻ một nghìn) đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- CA huyện Châu Thành;
- Nhà tạm giữ Châu Thành;
- Thi hành án hình sự;
- Người TGTT;
- Sở TP;
- Lưu tập án; Lưu hồ sơ.

Nguyễn Quốc Hùng

